

Bản án số: 53/2024/HS-ST
Ngày: 14-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Ông Nguyễn Long Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Lê Tấn N, sinh năm 1989 tại Bình Dương; nơi thường trú: Tổ A, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; nơi tạm trú: Ấp C, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn T và bà Phan Thị Phương D; có vợ là Hoàng Thị D1 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 197/STHS ngày 17 tháng 9 năm 2003, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo chấp hành xong án phí ngày 16 tháng 8 năm 2004; bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 08 tháng 11 năm 2005; ngày bị bắt tạm giam 02 tháng 11 năm 2023, có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1971; nơi thường trú: ấp A, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Phan Thị Phương D, sinh năm 1967; nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lê Tấn N có mâu thuẫn với ông Nguyễn Anh T1 nên N đã dùng dao chém ông T1 gây thương tích cụ thể như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 12 tháng 8 năm 2023, trên đường đi từ huyện P về huyện B khi đi tới quán C thuộc ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương thì N bắt gặp T1 đang ngồi uống rượu cùng với Đinh Trung N1 và Nguyễn Văn N2. Lúc này, N nhớ lại chuyện trước đây bị T1 mắng, N bực tức nảy sinh ý định đánh T1. Ngẫu nhiên về nhà lấy một con dao bằng kim loại lưỡi dao dài khoảng 40cm rộng 07cm cán bằng gỗ tròn dài khoảng 20cm đi đến chỗ T1. Lúc N về nhà thì có 03 người bạn của N gồm một người tên K và hai người không rõ nhân thân lại lịch đến đón N đi nhậu. Lúc này, N nói đang đi gặp T1 để giải quyết mâu thuẫn sau đó N bỏ dao ở sau lưng rồi nhờ K chở đến quán C thuộc ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương. Khi tới nơi N xuống xe rồi cầm dao xông vào vị trí ngồi của T1, thấy N cầm dao chạy tới phía mình nên T1 đưa tay lên đỡ thì bị N chém trúng một nhát ở tay phải. T1 bỏ chạy ra khỏi quán vào một tiệm tạp hóa gần đó thì T1 bị té ngã nên bị N dùng dao chém thêm một nhát ở vai trái và một nhát ở xương đòn bên trái. Sau khi gây thương tích cho T1, N bỏ về nhà rồi vứt con dao gây án, T1 được đưa đi cấp cứu. Do không có tiền điều trị nên T1 về nhà. Đến ngày 22 tháng 8 năm 2023, T1 đi khám thì bị chuẩn đoán gãy xương đòn vai trái, T1 mới làm đơn trình báo.

Tại Kết luận giám định số 606/2023/KLGD-TTPY ngày 24 tháng 10 năm 2023, Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận:

- Các kết quả chính: Vết thương sâu sát da vai trái đã lành. Gãy xương đòn trái, can lệch trục, hạn chế vận động khớp vai trái. Vết thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải 2 x 0,5cm, sẹo lành.

- Kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Anh T1 tại thời điểm giám định là 17%.

- Cơ chế hình thành thương tích:

Vết thương sâu sát da vai trái, gãy xương đòn trái: khả năng do vật tày gây ra.

Vết thương mặt sau 1/3 giữa cẳng tay phải: sẹo bờ sắc gọn, khả năng do vật sắc gây ra.

Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận giám định.

Đối với con dao Ngẫu dùng để gây thương tích, quá trình điều tra không thu giữ được do N đã vứt vào thùng rác sau khi gây án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T1 yêu cầu Lê Tấn N bồi thường chi phí điều trị thương tích với số tiền là 21.000.000 đồng. Bà Phan Thị Phương D (là mẹ của bị cáo Lê Tấn N) đã thay mặt N bồi thường cho bị hại T1 số tiền

10.000.000 đồng số tiền còn lại sẽ hỗ trợ tiếp cho N sau khi xét xử. Bị hại T1 có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N.

Đối với đối tượng tên K (hiện chưa rõ nhân thân lai lịch) bị cáo N không biết Kết ở đâu chỉ quen biết thông qua các lần nhậu chung. Ngày 12 tháng 8 năm 2023, Kết tới nhà rủ N đi nhậu, N nói muốn đi tìm T1 để giải quyết mâu thuẫn nên nhờ K chở đi tìm T1, K đồng ý. Sau khi chém T1 xong thì N lên xe để K chở về. Có căn cứ để xác định K có dấu hiệu đồng phạm với N trong vụ án “Cố ý gây thương tích”, do chưa xác định được nhân thân lai lịch của Kết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra xác minh khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Lê Hoàng K1 đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”.

Bản Cáo trạng số 33/CT-VKSBB ngày 17 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lê Tấn N về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Lê Tấn N mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; các Điều 584, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo N bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Anh T1 số tiền còn lại là 11.000.000 đồng.

Bị cáo Lê Tấn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận.

Bị hại ông Nguyễn Anh T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 11.000.000 đồng, yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phan Thị Phương D không yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền đã bồi thường thay cho bị cáo.

Bị cáo Lê Tấn N nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 18 giờ ngày 12 tháng 8 năm 2023, do có mâu thuẫn với ông Nguyễn Anh T1 nên Lê Tấn N đã đem theo 01 con dao là hung khí nguy hiểm và nhờ đối tượng tên K (chưa rõ nhân thân lai lịch) chở đến quán C thuộc ấp A, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương để chém Nguyễn Anh T1 nhiều nhất ở tay, vai gây thương tích 17%. Do đó, Hội đồng xét xử xác định: hành vi của bị cáo Lê Tấn N đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Tại phiên tòa: bị cáo N khai nhận có hành vi dùng dao chém bị hại T1 gây thương tích ở tay và vai.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

[5.1] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: hành vi của bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của con người, gây thiệt hại về sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[5.2] Về nhân thân: tại thời điểm phạm tội tuy bị cáo đã được xóa án tích về tội cướp tài sản, nhưng xét về nhân thân của bị cáo là chưa tốt.

[5.3] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo tác động gia đình tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức về pháp luật có phần hạn chế, do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5.4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Xét, tình hình tội phạm về xâm phạm sức khỏe của công dân tại địa phương diễn biến phức tạp, hành vi phạm tội rất manh động, liều lĩnh. Hành vi gây thương tích cho người khác ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, gây hoang mang, lo lắng cho nhân dân. Hành vi của bị cáo thể hiện thái độ xem thường sức khỏe người khác, xem thường pháp luật. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Anh T1 yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền 11.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại. Xét, đây là sự tự nguyện của bị cáo và bị hại không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các Điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[9] Về án phí: bị cáo Lê Tấn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 46, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào các Điều 584, 585, 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 106, 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 6, 23, 26 Mục 1 Phần I Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo) của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Tấn N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Tấn N 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02 tháng 11 năm 2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Lê Tấn N bồi thường cho ông Nguyễn Anh T1 số tiền 11.000.000 (mười một triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Bị cáo Lê Tấn N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- PV27 Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân (nếu có);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ánh Tuyết